

Số: 03 /2013/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn;

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

Điều 1. Các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác

Các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP bao gồm: Khiêu vũ nghệ thuật; Trình diễn trong nghệ thuật sắp đặt; Nghệ thuật trình diễn đường phố.

Điều 2. Thông báo về nội dung chương trình

Việc thông báo về nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP thực hiện theo quy định sau:

1. Tổ chức hoặc cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ thông báo đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nơi tổ chức. Bộ hồ sơ gồm:

a) Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân (Mẫu 01).

b) Bản sao có chứng thực Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang hoặc Quyết định cho phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người

mẫu đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép (kèm theo bản gốc để đối chiếu).

c) Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (kèm theo bản gốc để đối chiếu).

2. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nơi tiếp nhận thông báo có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và trả lại các bản gốc sau khi đối chiếu. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có quyền không đồng ý việc tổ chức trong trường hợp quốc tang, thiên tai, dịch bệnh, an ninh, chính trị ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần, đời sống, sinh hoạt, an toàn xã hội tại địa phương.

Điều 3. Hội đồng nghệ thuật

Hội đồng nghệ thuật duyệt chương trình quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP quy định như sau:

1. Hội đồng nghệ thuật do Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập, hoạt động theo quy chế do cơ quan thành lập ban hành.

2. Thành viên Hội đồng nghệ thuật gồm đại diện cơ quan quản lý nhà nước và các nhà chuyên môn.

3. Hội đồng nghệ thuật có nhiệm vụ: Thẩm định, tư vấn về nội dung, hình thức và chất lượng nghệ thuật các chương trình; nhận định, đánh giá, kết luận về hành vi thiếu văn hóa, trang phục, hóa trang không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc. Biên bản kết luận của Hội đồng nghệ thuật là một trong những căn cứ cho phép biểu diễn hoặc xử lý sai phạm (Mẫu 02).

Điều 4. Hiệu lực của giấy phép

Hiệu lực của giấy phép quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP quy định như sau:

1. Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang do Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp có hiệu lực trên phạm vi toàn quốc, trừ trường hợp hạn chế về địa điểm biểu diễn quy định trong giấy phép.

2. Giấy phép cấp cho nghệ sĩ là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước biểu diễn có thời hạn 06 tháng.

Điều 5. Tổ chức thi và liên hoan các loại hình nghệ thuật

Việc tổ chức thi và liên hoan các loại hình nghệ thuật quy định tại Điều 16 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP thực hiện như sau:

1. Thẩm quyền tổ chức:

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ đặc trưng của từng loại hình nghệ thuật, năng lực tổ chức, tính hiệu quả của mỗi cuộc thi, liên hoan giao cho Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành ở Trung ương (Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam, Hội Nhạc sĩ Việt Nam) chủ trì tổ chức.

2. Thời gian tổ chức:

a) Cuộc thi dành cho các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp gồm các loại hình: Tuồng, Chèo, Cải lương, Kịch nói, Dân Ca kịch và nghệ thuật ca, múa, nhạc là 03 năm một lần.

b) Cuộc thi dành cho nhóm nghệ sỹ, cá nhân nghệ sỹ cho các loại hình sân khấu và ca, múa, nhạc là 03 năm một lần.

c) Các cuộc liên hoan tổ chức xen kẽ trong khoảng thời gian giữa hai kỳ tổ chức các cuộc thi. Thời gian tổ chức liên hoan đối với từng loại hình nghệ thuật là 03 năm một lần.

d) Các cuộc thi, liên hoan quốc tế do Việt Nam đăng cai, thực hiện theo Đề án của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

3. Cơ cấu giải thưởng:

a) Giải thưởng cuộc thi dành cho các đơn vị nghệ thuật:

- Huy chương vàng, Huy chương bạc cho vở diễn, chương trình, tiết mục, nghệ sỹ biểu diễn;

- Giải xuất sắc nhất cho nhóm nghệ sỹ, tác giả, đạo diễn, họa sỹ, nhạc sỹ, biên đạo, chỉ huy dàn nhạc, thiết kế phục trang, thiết kế âm thanh, ánh sáng.

b) Giải thưởng cuộc thi dành cho nhóm nghệ sỹ, cá nhân nghệ sỹ biểu diễn: Huy chương vàng, Huy chương bạc.

c) Giải thưởng các liên hoan trong nước: Huy chương vàng, Huy chương bạc cho chương trình, tiết mục gắn với nhóm nghệ sỹ hoặc cá nhân nghệ sỹ biểu diễn.

d) Giải thưởng các cuộc thi, liên hoan trong nước kèm theo tiền thưởng và Giấy chứng nhận. Mức tiền thưởng do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

e) Giải thưởng Liên hoan quốc tế: Huy chương vàng, Huy chương bạc cho chương trình, tiết mục gắn với đơn vị và nghệ sỹ biểu diễn, kèm theo Giấy chứng nhận và Cúp lưu niệm.

Điều 6. Điều kiện đối với thí sinh dự thi người đẹp

Thí sinh có vẻ đẹp tự nhiên quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP là thí sinh không qua phẫu thuật thẩm mỹ.

Điều 7. Đề án tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

Đề án tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP gồm các nội dung sau:

1. Tên cuộc thi thể hiện bằng tiếng Việt (Trường hợp tên cuộc thi có sử dụng tiếng nước ngoài thì viết tên bằng tiếng Việt trước, tên nước ngoài sau).

2. Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi.

3. Thể lệ cuộc thi quy định rõ điều kiện, tiêu chí của thí sinh dự thi.

4. Nội dung, trình tự tổ chức, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc thi.

5. Danh hiệu, cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng và thời gian trao giải.

6. Trách nhiệm và quyền lợi của người tổ chức, thí sinh dự thi và thí sinh đạt giải.

7. Dự kiến thành phần Ban Chỉ đạo.

8. Dự kiến danh sách Ban Tổ chức, Ban Giám khảo và Quy chế hoạt động.

9. Dự kiến kinh phí tổ chức cuộc thi.

10. Đơn đăng ký dự thi của thí sinh (Mẫu 03).

Điều 8. Ban Giám khảo

Ban Giám khảo cuộc thi người đẹp, người mẫu quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP quy định như sau:

1. Mỗi cuộc thi người đẹp, người mẫu chỉ thành lập 01 (một) Ban Giám khảo.

2. Ban Giám khảo gồm các nhà chuyên môn trong các lĩnh vực: nhân trác học, mỹ học, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, nhiếp ảnh, xã hội học. Tùy theo tính chất của từng cuộc thi, Ban Tổ chức có thể mời thêm các nhà chuyên môn thuộc các lĩnh vực khác.

3. Cơ quan cấp phép, đơn vị tổ chức, nhà tài trợ không tham gia Ban Giám khảo.

Điều 9. Danh hiệu chính

Danh hiệu chính tại cuộc thi người đẹp, người mẫu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP là một trong ba danh hiệu trao cho thí sinh đạt điểm cao nhất, được tính từ cao xuống thấp trong một cuộc thi người đẹp, người mẫu.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu

Tổ chức, cá nhân lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP là doanh nghiệp, nhà xuất bản, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân khác có chức năng hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

Điều 11. Xử lý bản ghi âm, ghi hình hết thời hạn lưu chiếu

Việc xử lý bản ghi âm, ghi hình hết thời hạn lưu chiếu quy định tại Điều 26 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP thực hiện như sau:

1. Cục Nghệ thuật biểu diễn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thanh lý hoặc tiêu hủy công khai bản ghi âm, ghi hình hết thời hạn lưu chiếu.

2. Hồ sơ thanh lý hoặc tiêu hủy gồm:

a) Quyết định thành lập Hội đồng thanh lý hoặc tiêu hủy bản ghi âm, ghi hình hết thời hạn lưu chiếu do Cục Nghệ thuật biểu diễn, Sở Văn hóa, Thể thao

và Du lịch ban hành. Thành viên Hội đồng thanh lý gồm lãnh đạo cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này, đại diện Phòng chuyên môn, Phòng Tài chính, Văn phòng và Thanh tra Nhân dân.

b) Biên bản thanh lý hoặc tiêu hủy bản ghi âm, ghi hình hết thời hạn lưu chiểu.

Điều 12. Ban hành kèm theo Thông tư này

1. Các mẫu Văn bản thông báo, Biên bản, Đơn đăng ký dự thi, Giấy phép, và Quyết định:

a) Mẫu 01: Văn bản thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

b) Mẫu 02: Biên bản của Hội đồng nghệ thuật.

c) Mẫu 03: Đơn đăng ký dự thi người đẹp, người mẫu của thí sinh.

d) Mẫu 04: Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

đ) Mẫu 05: Quyết định cho phép đoàn nghệ thuật, diễn viên nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

e) Mẫu 06: Quyết định cho phép tổ chức cuộc thi người đẹp trong nước hoặc quốc tế.

g) Mẫu 07: Quyết định cho phép tổ chức cuộc thi người mẫu trong nước hoặc quốc tế.

h) Mẫu 08: Quyết định cho phép thí sinh tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế.

i) Mẫu 09: Quyết định phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc và sân khấu sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.

j) Mẫu 10a: Quyết định cho phép phổ biến bài hát sáng tác trước năm 1975.

Mẫu 10b: Quyết định cho phép phổ biến bài hát do người Việt Nam định cư ở nước ngoài sáng tác.

k) Mẫu 11: Quyết định cấp nhãn kiểm soát dán trên bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc sân khấu.

2. Mẫu nhãn kiểm soát dán trên bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

CỤC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN

NGHIÊM CĂM IN SẠO LƯỚI MỌI HÌNH THỨC

Điều 13. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2013.

2. Bãi bỏ các điều 4, 5 và 6 Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 12 năm 2009 quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ.

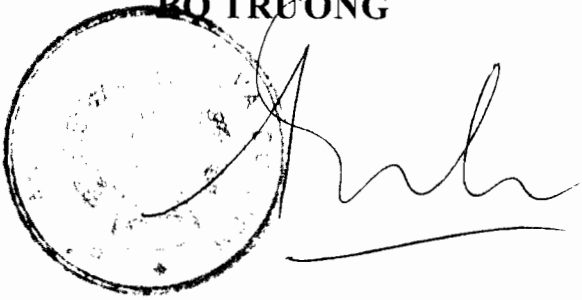
3. Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kiến nghị về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, chỉnh sửa. / *ll*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc, các UB của Quốc hội;
- UB TUMTTQVN, Cơ quan TƯ các đoàn thể;
- Trung ương Hội Người cao tuổi;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT CP;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ TP;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Sở VHTTDL các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Công báo; Website Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, NTBD, MT(300).

BỘ TRƯỞNG



Hoàng Tuấn Anh